TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vi Văn Thuy** và ông **Lành Văn Thủy**

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông **Quàng Văn Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Điêu Thị Hà**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Lầu A P, sinh năm 1974, tại huyện Q, tỉnh Sơn La.

Tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Nơi ĐKHKTT: Bản N 4, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Lớp 1/12.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lầu Bua C, đã chết; Con bà: Lý Thị C, sinh năm 1954.

Bị cáo có vợ Giàng Thị D, sinh năm 1976 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/7/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xét xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành hình phạt đến ngày 22/12/2011 ra trại. Bản án này bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/6/2024, tạm giam từ ngày 07/7/2024 đến ngày xét xử, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lầu A P:** Ông Pờ Go L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 28/6/2024, Lầu A P đi bộ từ nhà bản N 4, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên đến khu vực bản T, xã M, huyện M để mua Heroine về sử dụng. Đến nơi, bị cáo gặp và mua của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 30 tuổi bị cáo không rõ lai lịch một gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột màu trắng có khối lượng 0,24 gam với giá 100.000 đồng. Mua được Heroine, bị cáo cho vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi đi bộ về nhà. Khi bị cáo đi đến khu vực bản N 4, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Công an huyện M phối hợp với Đồn Biên Phòng M kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng của bị cáo.

Cáo trạng số 51/CT-VKS-MN ngày 10/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lầu A P về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Lầu A P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện M tỉnh Điện Biên và Luận cứ bào chữa của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 09 giờ 00 phút ngày 28/6/2024 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Lầu A P bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an huyện M phối hợp với Đồn Biên Phòng M đã tạm giữ của bị cáo 01 gói nilon màu hồng, bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, và niêm phong vật chứng gửi giám định hồi 15 giờ 10 phút ngày 28/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M bút lục số 33 thì khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Lầu A P là 0,24 gam nghi là Heroine gửi toàn bộ đi giám định.

Kết luận giám định số 1166/KL-KTHS ngày 04/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 40 đã kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Lầu A P là 0,24 gam là chất ma túy, loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định có biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định.

Kết luận giám định số 1384/KL-KTHS ngày 29/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 41 đã kết luận: Đường vân trên bản san Danh bản, chỉ bản số 00817QN, mang tên Lầu A T.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lầu A P có tội. Bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lầu A P có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội: Khối lượng gói Heroine thu giữ của Lầu A P là 0,24 gam. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 0,1 đến dưới 05 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Lầu A P sinh sống tại xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo là người sử dụng ma túy nhiều năm và chưa từ bỏ được. Đây là nguyên nhân chính bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 12/7/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La xét xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành hình phạt đến ngày 22/12/2011 ra trại. Bản án này bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích, tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ xem xét về nhân thân xấu của bị cáo khi quyết định hình phạt. Cũng tại bản án này bị cáo mang tên Lầu A T, sinh năm 1975, đăng ký hộ khẩu thường trú ở bản C, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trưng cầu giám định vân tay trên danh bản, chỉ bản và xác định Lầu A T, Lầu A P là một người. Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ về nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt đúng người.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cai nghiện ma túy đồng thời cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lầu A P.

[8] Về vật chứng: Vật chứng là 0,24 gam Heroine, gửi toàn bộ đi giám định và được hoàn lại 0,18 gam là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 mảnh nilon màu hồng không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[11] Các vấn đề khác: Nguồn gốc ma túy bị thu giữ bị cáo khai nhận mua một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 30 tuổi bị cáo không rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không đủ cơ sở để xác minh làm rõ đối tượng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lầu A P** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma tuý".**

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lầu A P 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 28/6/2024.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,18 gam Heroine và 01 mảnh nilon màu hồng là vật chứng còn lại sau giám định. Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 12/9/2024 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo Lầu A P.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Lầu A P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/9/2024.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện M;
- Nhà tạm giữ Công an huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M;
- Bộ phận HSNV Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS Công an huyện M
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huấn